

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 16-4-2019.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiem

Ông Hồ Văn Khang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện D, tỉnh Tây Ninh- Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ B, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Khu phố C, thị trấn T, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Tây Ninh- Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ A trình bày: Chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 17-3-2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống riêng tại khu phố C, thị trấn D. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng buôn bán bị thua lỗ nên bán nhà về phụ giúp mẹ chồng, nhưng chồng không biết chăm lo cho gia đình mà còn vương vào ma túy. Chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Đến tháng 8-2018 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04-

5-2014 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 14-6-2015, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Vũ B đã được Tòa án: Tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh B đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặt dù Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B.
- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04-5-2014 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 14-6-2015 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ anh B đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do trong thời gian sống chung chị A cho rằng anh B không chăm lo cho gia đình và có sử dụng ma túy nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; từ mâu thuẫn nhỏ không được giải quyết dần dần thành mâu thuẫn lớn, nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị A, anh B sinh sống và lời trình bày của bà Đoàn Thị H mẹ anh B thể hiện: Vợ chồng chị A, anh B xảy ra mâu thuẫn là có thật, anh B đang sống cùng bà H tại ấp C, xã E từ giữa năm 2018 đến nay, chị A thì về sống cùng cha mẹ ruột. Bà H đã nhiều lần khuyên can vợ chồng chị A, anh B để vợ chồng về đoàn tụ chung sống nhưng không được. Xét mâu thuẫn giữa chị A và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai cháu tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04-5-2014, Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 14-6-2015, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị A, chị A là người có đủ điều kiện nuôi con và chị cũng yêu cầu được nuôi hai con chung. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bảo N và cháu Bảo Y là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ A đối với anh Nguyễn Vũ B. Chị Phạm Thị Mỹ A được ly hôn với anh Nguyễn Vũ B.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04-5-2014 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 14-6-2015 cho chị A có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con;

- Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016685 ngày 02-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND thị trấn Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Như Thủy